

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chuyển số lượng (lần 13) các mặt hàng trúng thầu
Gói thầu số 01: Thuốc Generic

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/05/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu và các vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019;

Xét đề nghị của các đơn vị về việc điều chuyển số lượng các mặt hàng trúng thầu của gói thầu số 01: Thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu và các vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng ban Mua thuốc tập trung tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chuyển (lần 13) số lượng 21 mặt hàng trúng thầu gói thầu số 01: Thuốc Generic (Đính kèm phụ lục các mặt hàng, số lượng trước điều chuyển và sau điều chuyển của các đơn vị).

Điều 2. Các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh (gọi chung là các đơn vị); các nhà thầu có mặt hàng trúng thầu được điều chuyển (lần 13) tại Điều 1 căn cứ vào Quyết định này để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các đơn vị và các nhà thầu có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website SYT (đăng tải);
- BHXH tỉnh (để phối hợp chi đạo);
- Lưu: VT, BMT.



GIÁM ĐỐC

Phan Huy Anh Vũ

PHỤ LỤC
DANH MỤC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU ĐIỀU CHUYỂN (LẦN 13)
GÓI THẦU SỐ 01: THUỐC GENERIC

(Đính kèm Quyết định số 2067 /QĐ-SYT ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Giám đốc Sở Y tế)

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

STT	STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
1	301	TPA00001	Paracetamol + Tramadol	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim	Paratramol	VN-18044-14	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Poland	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên	7.400	Công ty TNHH dược phẩm Tự Đức	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN PHỔI ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			
															5.000	5.000	0	105.000	5.000	110.000	
2	679	TP051203	Losartan	100mg	viên nén bao phim	SaVi Losartan 100	VD-27048-17	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên	3.000	Công ty TNHH dược phẩm Tự Đức	1280/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUÁN			BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			
															100.000	60.000	40.000	450.000	60.000	510.000	
3	1008	TV103601	Calci glucoheptonat + Vitamin D3	550mg + 200UI/5 ml; 5ml	Dung dịch uống	Letbaby	VD-22880-15	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 20 ống x 5ml	Ống	3.680	Công ty TNHH dược phẩm Tự Đức	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH			BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			
															85.000	30.000	55.000	232.000	30.000	262.000	
4	349	TPA075101	Silymarin	150mg	Viên nén bao	Silygamma	VN-16542-13	Dragenopharm Apotheke Puschl GmbH	Germany	Hộp 4 vi x 25 viên	Viên	3.500	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÔNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			
															100.000	60.000	40.000	150.000	60.000	210.000	
5	69	TPA049502	Candesartan	8mg	Viên nén	Candesartan 8mg Tablet	VN-20456-17	Kern Pharma S.L.	Spain	Hộp/02 vi x 14 viên	viên	4.560	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			
															40.000	15.000	25.000	70.000	15.000	85.000	

STT	STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
6	43	TPA089904	Betahistin	16mg	Viên nén	Kernhistine 16mg Tablet	VN-19865-16	Kern Pharma S.L.	Spain	Hộp 03 vỉ x 10 viên	viên	1.890	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA			BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			
															30.000	10.000	20.000	180.000	10.000	190.000	
7	68	TPA049501	Candesartan	16mg	Viên nén	Candesartan 16mg Tablet	VN-20455-17	Kern Pharma S.L.	Spain	Hộp/02 vỉ x 14 viên	viên	6.700	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			
															39.000	15.000	24.000	100.000	15.000	115.000	
8	1536	TV000046	Paracetamol + Methocarbamol	500mg + 400mg	Viên nén bao phim	Parocontin F	VD-27064-17	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	viên	2.790	Công ty TNHH dược phẩm và trang thiết bị y tế Đại Trường Sơn	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			
															100.000	30.000	70.000	250.000	30.000	280.000	
9	74	TPA053102	Carvedilol	6,25mg	Viên nén	Cypdicar 6,25 Tablets	VN-18254-14	Remedica Ltd.	Cyprus	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	3.400	Công ty TNHH dược phẩm Song Việt	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUÁN			BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			
															10.000	10.000	0	212.000	10.000	222.000	
10	1429	TV102104	Natri clorid	0,9%; 250ml	Dung dịch tiêm truyền	NATRI CLORID 0,9%	VD-21954-14	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 30 chai x 250ml	Chai nhựa PPKB	7.980	Công ty cổ phần Gon Sa	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			
															55.000	1.000	54.000	18.000	1.000	19.000	
11	1946	TK030101	Nystatin + Neomycin + Polymycin	100.000 UI + 35.000UI + 35.000UI	Viên nang mềm	Vaginapoly	VD-16740-12	CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA	VIỆT NAM	hộp 1 vỉ , 2 vỉ x 6 viên	viên	3.950	Công ty TNHH TM vật tư y tế Dược Việt	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			
															7.500	100	7.400	5.000	100	5.100	

STT	Danh mục thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, bảo chế	Số đăng ký/GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước xuất sản	Quy cách đóng gói	Đơn tính	Đơn giá (có VAT)	Tên nhà thầu trung thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều dưỡng chuyên						
12	365	TPA0	Telmisartan + Hydrochlorothiazid	40mg +12,5mg	Viên nén	Tolucambi 40mg/12,5 mg Tablets	VN-21113-18	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	9.597	Công ty cổ phần dược Tenamyl	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC				
BỆNH VIỆN ĐKKV BÌNH QUẬN	SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	16.000	30.000	46.000														
		SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	15.000	10.000	25.000														
		SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	0	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	10.000	450	450														
		SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	100	350	350														
BỆNH VIỆN ĐKKV BÌNH QUẬN	SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	10.000	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	10.000	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	0	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	10.000	100	100														
		SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	100	350	350														
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ	SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	10.000	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	10.000	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	0	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	10.000	100	100														
		SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	100	350	350														
BỆNH VIỆN NHỊ ĐỒNG	SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	9.500	500	9.000														
		SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	9.000	500	9.000														
		SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	500	500	500														
		SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	4.000	500	4.500														
		SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	4.000	500	4.500														
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN PHÚ	SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	10.000	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	10.000	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	0	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	10.000	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	10.000	10.000	10.000														
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ	SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	10.000	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	10.000	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	0	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG TRƯỚC ĐIỀU TRỊ	10.000	10.000	10.000														
		SỐ LƯỢNG SAU ĐIỀU TRỊ	10.000	10.000	10.000														

STT	STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
17	629	TP080 503	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-acting, Dual-acting)	Insulin human hỗn hợp 30/70; 100IU/ml; 3ml	Dung dịch tiêm	Wosulin 30/70	VN-13913-11	Wockhardt Limited	Ấn Độ	Hộp 1 bút tiêm đóng sẵn ống tiêm 3ml	Bút	140.000	Công ty TNHH một thành viên Gon Sa Miền Trung	1280/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM			
															100.000	3.000	97.000	15.000	3.000	18.000	
18	130	TPA0 78401	Dydrogesterone	10mg	Viên nén bao phim	Duphaston	VN-12830-11	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Hộp 20 viên	Viên	7.360	Công ty TNHH một thành viên Vimedimex Bình Dương	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM			
															30.000	10.000	20.000	25.000	10.000	35.000	
19	488	TP017 502	Cefoxitin	2g	Thuốc bột pha tiêm	Tenafotin 2000	VD-23020-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Hộp 10 lọ	Lọ	119.910	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	1280/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUẢN			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM			
															18.000	5.000	13.000	3.000	5.000	8.000	
20	861	TP105 002	Thiamin mononitrat + Pyridoxin + Cyanocobanlam in	100mg + 100mg + 150mcg	Viên nén bao phim	SAVI 3B	VD-16030-11	Cty CP DP Savi	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	1.490	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUẢN			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĨNH CỬU			
															94.000	6.000	88.000	36.000	6.000	42.000	
21	1741	TV10 5001	Vitamin B1+ B6+ B12	100mg + 200mg + 200mcg	Viên nén bao phim	Fostervita	VD-19158-13	Cty LD Meyer-BPC	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	861	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA CAO SU ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĨNH CỬU			
															60.000	10.000	50.000	60.000	10.000	70.000	

Tổng cộng: 21 mặt hàng